TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 211/2020/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 21 tháng 05 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 184/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 1983.

Địa chỉ ĐKHKTT: Tổ X, khu vực Y, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ liên lạc: 10/73 Đ, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị Nguyễn Thị Minh Đ, sinh năm: 1986.

Địa chỉ ĐKHKTT: 81 P, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ liên lạc: Kiệt 196 P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc H và chị Nguyễn Thị Minh Đ đăng ký kết hôn vào ngày 05/10/2011 tại Uỷ ban nhân dân phường A, thành phố H. Sau khi kết hôn, anh H, chị Đ chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, hay bất đồng quan điểm, nên chung sống không hạnh phúc. Anh H, chị Đ không quan tâm nhau nữa. Nay anh H, chị Đ đã hết tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên anh H, chị Đức thoả thuận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh H, chị Đ xác nhận vợ chồng có 02 con chung là: Nguyễn Ngọc Đăng Kh, sinh ngày: 11/11/2012 và Nguyễn Ngọc Khánh M, sinh ngày 25/6/2015, hiện nay các cháu đang ở cùng với chị Đ. Anh H, chị Đ thoả thuận giao con cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con

đủ 18 tuổi. Anh H cấp dưỡng nuôi con cho chị Đ với số tiền 8.000.000đồng/tháng/2 cháu (mỗi cháu 4.000.000đồng) kể từ khi quyết định có hiệu lực cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Anh H, chị Đ xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh H, chị Đ xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về lệ phí Toà án: Anh H, chị Đ mỗi người phải chịu 150.000đồng lệ phí, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng anh chị đã nộp đủ theo Biên lai số 009772 ngày 07/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc H và chị Nguyễn Thị Minh Đ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Đăng Kh, sinh ngày: 11/11/2012 và Nguyễn Ngọc Khánh M, sinh ngày 25/6/2015 cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh H cấp dưỡng nuôi con cho chị Đ với số tiền 8.000.000đồng/tháng/2 cháu (mỗi cháu 4.000.000đồng) kể từ khi quyết định có hiệu lực cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành án đủ khoản tiền nói trên thì hàng tháng phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Anh H, chị Đ xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh H, chị Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh H, chị Đ mỗi người phải chịu 150.000đồng lệ phí, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng anh chị đã nộp đủ theo Biên lai số 009772 ngày 07/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND TP H;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- UBND phường A, TP H (ĐKKH số 114, quyển số: 01/2011 ngày 05/10/2011);
- Lưu HCTP;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Dũng